

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 4 – 2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sang
Bà Lê Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tài L, sinh năm: 1991;
Địa chỉ: Số AZB/BX tổ X, khu phố Y, đường NH, phường X, thành phố BT, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Ông WXX, sinh năm: 1982;
Địa chỉ: S/N Avenida GenaralC, Branco FL 3B, ED Yuet Tak, Ma Cao, Trung Quốc.

(Bà Trần Thị Tài L và ông WSS có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2020, bản tự khai ngày 03/3/2020 và đơn xin vắng mặt ngày 03/3/2020, nguyên đơn bà Trần Thị Tài L trình bày:

Bà và ông WSS tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cục Đăng ký Dân sự Ma Cao, theo chứng nhận tường thuật, đăng ký kết hôn số 2653/2016/RC, cấp ngày

23/8/2016. Thời gian đầu bà và ông WSS sống chung với nhau rất hạnh phúc, cả hai vợ chồng điều hiểu nhau và biết quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Khi mới cưới thì chồng bà đi về, qua lại giữa hai nước Ma Cao – Việt Nam cũng thường xuyên, thời gian này tình cảm vợ chồng còn hạnh phúc. Trong thời gian chung sống, bà và ông WSS có với nhau 01 con chung là cháu Wong GH sinh ngày 02/05/2014. Đến năm 2017 thì chồng bà ít về Việt Nam, vợ chồng ít gặp nhau, không thường xuyên liên lạc và từ đó đến nay bà và ông WSS đã ly thân gần 03 năm không còn liên lạc với nhau. Từ nguyên nhân đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa và cuộc sống hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông WSS, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Wong GH, sinh ngày 02/5/2014. Hiện nay, cháu Hđang sống chung với bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết bà là người trực tiếp nuôi cháu Wong GH, không yêu cầu anh WSS cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà xin giải quyết vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Theo đơn trình bày ý kiến và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ngày 07/4/2021, bị đơn ông WSS trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Tài L về hoàn cảnh tiền hôn nhân và việc đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hôn nhân, ông thường xuyên đi lại giữa Ma Cao và Việt Nam, tình cảm vợ chồng rất tốt. Trong thời gian sống chung, hai vợ chồng có một con gái là cháu Wong GH sinh ngày 02/5/2014. Đến năm 2017, ông rất ít trở về Việt Nam, hai vợ chồng ít khi gặp mặt, không thường xuyên liên lạc, từ đó đến nay vợ chồng ông ở riêng đã 03 năm, do đó tình cảm vợ chồng ông không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không tốt đẹp. Ông biết bà Trần Thị Tài L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Tài L.

Về con chung: Ông đồng ý để bà Trần Thị Tài L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Wong GH, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông đang ở Ma Cao, khoảng cách địa lý rất xa, thêm vào tình hình dịch bệnh Covid – 19 phức tạp, bởi vậy ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử vắng mặt ông trong phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Tài L và ông WSS là ly hôn, nguyên đơn bà Trần Thị Tài L đang ở Việt Nam, bị đơn ông WSS hiện đang ở nước ngoài (Ma Cao) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tài L và ông WSS tự tìm hiểu quen biết và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cục đăng ký dân sự Ma Cao theo chứng nhận tường thuật, đăng ký kết hôn số 2653/2016/RC cấp ngày 23/8/2016 nên hôn nhân giữa bà Trần Thị Tài L và ông WSS là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Trần Thị Tài L và ông WSS cùng có lời trình bày là thời gian đầu sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc, cả hai vợ chồng điều hiểu nhau, biết quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Thời gian đầu hôn nhân, ông WSS thường xuyên qua lại giữa hai nước Ma Cao – Việt Nam nên tình cảm vợ chồng rất tốt. Trong thời gian chung sống, ông bà có với nhau 01 con chung là cháu Wong GHsinh ngày 02/05/2014. Đến năm 2017 thì ông WSS ít về Việt Nam, vợ chồng ít gặp nhau, không thường xuyên liên lạc và đã sống ly thân 03 năm nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không tốt đẹp. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại bà Trần Thị Tài L sống ở Việt Nam còn ông WSS thì sống ở Ma Cao, cách xa nhau về khoảng cách địa lý, hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cả bà L và ông WSS đều xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể hòa giải đoàn tụ.

Từ những phân tích trên thấy rằng việc bà Trần Thị Tài L yêu cầu ly hôn với ông WSS là có cơ sở và ông WSS cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Tài L và ông WSS đều trình bày ông bà có một con chung là cháu Wong GHsinh ngày 02/5/2014, hiện nay cháu Hằng sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hằng, không yêu cầu ông WSS cấp dưỡng nuôi con, ông WSS cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tài L và ông WSS trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí dịch thuật: Bà Trần Thị Tài L phải chịu.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Trần Thị Tài L phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Trần Thị Tài L.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tài L được ly hôn với ông WSS.

Về con chung: Bà Trần Thị Tài L và ông WSS có 01 con chung là cháu Wong GHsinh ngày 02/5/2014, hiện nay bà Trần Thị Tài L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Trần Thị Tài L và ông WSS tự nguyện thỏa thuận để bà Trần Thị Tài L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Wong GHvà ông WSS không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông WSS có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông WSS lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trần Thị Tài L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông WSS.

Bà Trần Thị Tài L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông WSS trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, bà Trần Thị Tài L và ông WSS có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tài L và ông WSS đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Về phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Trần Thị Tài L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006978 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Về chi phí dịch thuật: Bà Trần Thị Tài L phải chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Tài L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006974 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị Tài L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; ông WSS được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được ủy thác hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng